TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số:10/2023/HNGĐ-ST Ngày 15-02-2023 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Hưng

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Trần Tố Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 15/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 886/2022/HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

-N đơn: Bà Đinh Thị L– sinh năm:1975(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Phạm Hữu T– sinh năm: 1973(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh ĐăkLăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay N đơn bà Đinh Thị L trình bày:

Tôi và ông Phạm Hữu T tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thắng vào ngày 14/4/1998.

Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, N nhân mâu thuẫn, 02 vợ chồng sống không hòa hợp thường xuyên cãi vã dẫn đến nhiều mẫu thuẫn xung đột không thể hàn gắn,vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai người ấy sống, nhiều tháng nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Ông T bị đi tù chung thân về tội giết người, ông T mới ra tù đầu năm 2022. Từ khi vào tù vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nên khi ông T ra tù thì mâu

thuẫn càng trầm trọng tiếp tục mâu thuẫn ông T chửi bới, đánh đập tôi dẫn đến mất an ninh khu phố nên ông T bỏ đi làm ăn thi thoảng mới về thăm con. Tôi và các con đã thông báo cho ông T tuy nhiên ông T đã nhận được thông báo nhưng ông T cố tình không nên Tòa án làm việc.

Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn tôi yêu cầu Tòa án xin ly hôn với ông T.

-Về con chung: Tôi và ông T có 02 con chung là: Cháu Phạm Trí N; sinh ngày: 01/01/1998 và cháu Phạm Trí Đ;sinh ngày: 23/5/2007. Hai con vẫn đang ở với tôi.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Trí Đ;sinh ngày: 23/5/2007 đến tuổi thành niên vì tôi có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Còn cháu Phạm Trí N; sinh ngày: 01/01/1998 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Phạm Hữu T: Tòa án đã tiến hành thông báo Tệu tập hợp L nhưng ông T không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đinh Thị L vẫn giữ N ý kiến xin ly hôn với ông Phạm Hữu T.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và N đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đinh Thị L và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Cho bà Đinh Thị L ly hôn với ông Phạm Hữu T;

Về con chung giao cháu Phạm Trí Đ;sinh ngày: 23/5/2007 cho bà Đinh Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa N đơn bà Đinh Thị L và bị đơn ông Phạm Hữu T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần Tệu tập hợp L ông Phạm Hữu T nhưng ông T không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà Đinh Thị L lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Hữu T cũng như tiến hành hòa giải được nên phiên tòa ngày 16/01/2023 phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất, tại phiên tòa ngày hôm nay ông Phạm Hữu T tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung: N đơn bà Đinh Thị L và bị đơn ông Phạm Hữu T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thắng vào ngày 14/4/1998 là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

N nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên mâu thuẫn. Bà L và ông T đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy giữa bà Đinh Thị L và ông Phạm Hữu T sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của bà Đinh Thị L và cho bà Đinh Thị L được ly hôn với ông Phạm Hữu T.

-Về con chung: Bà Đinh Thị L và ông Phạm Hữu T có 02 con chung là: Cháu Phạm Trí N; sinh ngày: 01/01/1998và cháu Phạm Trí Đ;sinh ngày: 23/5/2007.

Hiện các cháu đang ở với bà Đinh Thị L tại Lô B7 chợ xã Hòa Thắng, thôn 3, xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐăkLăk. Đối với cháu Phạm Trí N; sinh ngày: 01/01/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập xem xét còn cháu Phạm Trí Đ;sinh ngày: 23/5/2007 từ nhỏ đến nay đều ở với bà L.

Xét nguyện vọng của bà Đinh Thị L và nguyện vọng của cháu Phạm Trí Đ là chính đáng nên cần giao cháu Phạm Trí Đ;sinh ngày: 23/5/2007 cho bà Đinh Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi).

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đinh Thị L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Đinh Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đinh Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đinh Thị L được ly hôn với ông Phạm Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trí Đ;sinh ngày: 23/5/2007 cho bà Đinh Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi).

Ông Phạm Hữu T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đinh Thị L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0021520 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Phạm Hữu T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

N đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp L.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND P. Tân Thành
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ